

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **39/2019/HS-ST**
Ngày 17 - 10 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phú;
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Ái.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Nguyễn Thiết Bảnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại Trung tâm Thương mại An Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2019, đối với bị cáo:

Nguyễn P H, sinh năm 1991; tại An Phú, An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp PT, xã ĐP, huyện An Phú, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 05/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; con ông Trần Văn TH, sinh năm 1970 và Nguyễn Thị D H, sinh năm 1972 (cha đẻ là ông Cao C S); anh chị em có 02 người, bị cáo là người thứ lớn nhất.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 05/2015/QĐ-TA ngày 24 tháng 8 năm 2015.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/3/2019 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1/ Ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp Phước thọ, xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

2/ Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1991; địa chỉ: Khóm Châu Long 1,

phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

3/ Ông Thái Văn L, sinh năm 1971; địa chỉ: Khóm Châu Thới 2, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

4/ Ông Phạm Văn G, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp An Thạnh, thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

5/ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp Phước Quản, xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

6/ Ông Lê Hoàng P, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp An Thịnh, thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Bà Trần Thanh H1, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp Vĩnh Bảo, xã Vĩnh Hậu, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

2/ Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1971; địa chỉ: Khóm 2, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

3/ Bà Võ Thị Bảo Thúy, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp An Thạnh, thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

4/ Ông La Quang N1, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp Khánh Lợi, xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

5/ Bà Thái Ngọc G1, sinh năm 1970; địa chỉ: Khóm 1, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- *Người làm chứng:*

Bà Phạm Trần Ngọc D, sinh năm 1985;

Bà Lê Thị L1, sinh năm 1967.

Tại phiên tòa, tất cả bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 24/3/2019, Nguyễn P H đi xe buýt từ thành phố Châu Đốc đến huyện An Phú để tìm xe mô tô chiếm đoạt. Khi đến khu vực nhà của anh Lê Hoàng P (ấp An Thịnh, thị trấn An Phú, huyện An Phú), phát hiện nhà không ai trông coi, trong nhà có xe mô tô BKS 67G1 – 311.32 vẫn còn chìa khóa khởi động nên H lên vào nhà chiếm đoạt, rồi điều khiển xe đến dịch vụ cầm đồ Kim Phụng (thuộc khóm 2, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc) thế chấp được 12.000.000 đồng tiêu xài hết.

Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, anh P phát hiện xe bị mất nên đến Công an trình báo sự việc.

Sau khi xác minh, Công an tiến hành mời H về trụ sở làm việc. Qua làm việc, H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra, H khai nhận còn thực hiện thêm 05 vụ trộm xe mô tô trên địa bàn huyện An Phú và thành phố Châu Đốc. Cụ thể:

- Ngày 13/03/2019, lén lút chiếm đoạt xe mô tô BKS 67N4 – 5519 của anh Nguyễn Văn O (tại khu vực ấp Phước Thọ, xã Đa Phước, huyện An Phú). Sau khi lấy trộm, H điều khiển xe đến nhờ Nguyễn Thiện M1 ngụ huyện Tịnh Biên bán dùm được 400.000 đồng, rồi cả hai tiêu xài hết.

- Ngày 16/03/2019, lén lút chiếm đoạt xe mô tô BKS 67K4 – 3430 của anh Nguyễn Tấn T (tại khu vực khóm Châu Long 1, phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc). Sau khi lấy trộm, H điều khiển xe đến huyện Tịnh Biên nhờ M1 bán dùm được 900.000 đồng, rồi cả hai tiêu xài hết.

- Ngày 18/03/2019, lén lút chiếm đoạt xe mô tô BKS 67K5 – 2935 của anh Thái Văn L (tại khu vực khóm Châu Thới 2, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc). Sau khi lấy trộm, H điều khiển xe đến phường Núi Sam, nhờ M1 điều khiển xe vào thị trấn Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên bán dùm được 300.000 đồng, rồi cả hai tiêu xài hết.

- Ngày 19/03/2019, lén lút chiếm đoạt xe mô tô BKS 67C1 – 3121 của anh Phạm Văn G (tại khu vực khóm 5, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc). Sau khi lấy trộm, H điều khiển xe đến khu vực xã Vĩnh Trinh giáp Quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ bán cho 01 người chạy xe Honda đồ không biết họ tên và địa chỉ với giá 8.000.000 đồng, rồi tiêu xài hết.

- Ngày 22/03/2019, lén lút chiếm đoạt xe mô tô BKS 1I – 2344 của chị Nguyễn Thị N (tại khu dân cư ấp Phước Quản, xã Đa Phước, huyện An Phú). Sau khi lấy trộm, H điều khiển xe đến nhờ M1 bán dùm được 4.000.000 đồng, rồi cả hai tiêu xài hết.

Căn cứ các Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 14/KL-ĐGTSTTHS ngày 01/4/2019, 17/KL-ĐGTSTTHS ngày 02/5/2019 và 18/KL-ĐGTSTTHS ngày 02/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện An Phú, tỉnh An Giang, xác định:

- Xe mô tô hai bánh, biển số 67G1–311.32, nhãn hiệu HONDA, loại Wave Alpha, màu sơn đỏ-đen-bạc, số khung RLHHC1254FY120578, số máy HC12E7120610, đã qua sử dụng. Giá trị định giá 14.000.000 đồng.

- Xe mô tô hai bánh biển số 67N4 – 5519, do Trung Quốc sản xuất, đã qua sử dụng. Giá trị định giá 4.000.000 đồng.

- Xe mô tô BKS số 1I-2344 (PHNOM PENH), nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đen, số khung NF125MC-0027034, số máy NF125MCE-0027034, đã qua sử dụng. Giá trị định giá 12.000.000 đồng.

Căn cứ các Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 147/KL-ĐG ngày 09/4/2019, 148/KL-ĐG ngày 09/4/2019 và 160/KL-ĐG ngày

22/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, xác định:

- Xe mô tô hiệu Excel, số loại C150, màu trắng, biển số kiểm soát 67K5 – 2935, số khung 004021, số máy 004021, đã qua sử dụng. Giá trị định giá 3.000.000 đồng.

- Xe mô tô hiệu Honda, số loại Wave Alpha, biển số kiểm soát 67C1 – 3121, màu sơn xanh, số máy 0349069, số khung 348862, đã qua sử dụng. Giá trị định giá 7.000.000 đồng.

- Xe mô tô nhãn hiệu MAJESTY, số loại C100, biển số kiểm soát 67K4 – 3430, màu sơn đỏ, số máy 068717, số khung 068717, đã qua sử dụng. Giá trị định giá 3.000.000 đồng.

Tổng giá trị định giá cả 06 xe: 43.000.000 đồng

Ngày 02/04/2019, Nguyễn P H bị khởi tố điều tra.

Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra đã thu hồi xe mô tô biển số 67G1 – 311.32 và đã trao trả cho ông Lê Hoàng P ngày 15/3/2018. Các xe còn lại không thu hồi được, những người bị hại có yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản mất trộm; bà Huỳnh Thị D (Chủ Dịch vụ cầm đồ “Kim Phụng”) yêu cầu bị cáo trả lại số tiền cầm xe BKS 67G1 – 311.32 là 12.000.000 đồng.

Cáo trạng số: 35/VKS-HS ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú truy tố bị cáo Nguyễn P H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng truy tố. Do muốn có tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài, khi nghe Nguyễn Thiện M1 nói “làm” được thì đem cho M1 bán, nên H tìm xe lấy trộm. Số tiền có được từ việc chiếm đoạt xe thì H và M1 cùng sử dụng. Bị cáo đồng ý bồi thường lại toàn bộ thiệt hại cho các bị hại và bà D theo yêu cầu.

Trong lời luận tội, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội; nhân thân; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, đề nghị tuyên bị cáo Nguyễn P H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; đề nghị căn cứ điểm b khoản 2 Điều 173; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự, đề nghị buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường giá trị T sản mà bị cáo lấy trộm cho các bị hại Nguyễn Văn O, Nguyễn Tấn T, Thái Văn L, Nguyễn Thị N, Phạm Văn G và người có quyền lợi, N1 vụ liên quan bà Huỳnh Thị D.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo tỏ thái độ ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, hứa không tái phạm và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Những người bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, những người tham gia tố tụng này đã có lời khai thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của những người tham gia tố tụng này tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không có ý kiến. Xét việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử, nên tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này là phù hợp quy định tại các điều 291, 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập. Tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập là đầy đủ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung: Xét thấy lời thú nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra; phù hợp lời khai của những người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng. Căn cứ vào các lời khai, các biên bản khám nghiệm hiện trường, các kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, có cơ sở xác định: Từ ngày 13/3/2019 đến ngày 24/3/2014, bị cáo Nguyễn P Hậu đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 06 xe mô tô trên địa bàn thành phố Châu Đốc và địa bàn huyện An Phú, tổng giá trị 06 xe theo định giá là 43.000.000 đồng. Giá trị tài sản từng lần chiếm đoạt đều trên 2.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm, xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản của công dân và làm mất an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”. Căn cứ hướng dẫn tại Điều 5, mục 5.1 điểm a Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Tòa án nhân dân tối cao thì trường hợp phạm tội của bị cáo được coi là “phạm tội có tính chất chuyên nghiệp”, nên bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xác định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú đối với Nguyễn P H là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về hành vi bị cáo sử dụng giấy cầm đồ của ông G để đến Dịch vụ cầm đồ “Ngân Ngọc” lấy thêm 1.000.000 đồng là hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản. Do chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan Công an huyện An Phú xử phạt hành chính đối với bị cáo H là đúng quy định.

Về việc bị cáo khai khoảng tháng 2 năm 2019 bị cáo có lén lút chiếm đoạt 01 xe hiệu YAMAHA (không nhớ số biển kiểm soát) tại thành phố Châu Đốc mang đi thị trấn Long Bình bán cho một người lạ được 4.800.000 đồng. Do không xác định được bị hại, số loại xe cụ thể nên chưa đủ căn cứ xử lý, nên Cơ quan Điều tra không xử lý là có căn cứ, phù hợp quy định tại các điều 13, 15 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[4] Về tính chất vụ án: Quyền sở hữu tài sản là một trong những quyền cơ bản của công dân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ, những ai có hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác một cách trái pháp luật đều phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Bị cáo H là thanh niên có sức khỏe, có đầy đủ năng lực hành vi nhưng không lo chí thú làm ăn. Bị cáo hoàn toàn hiểu được, việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực thiện vì mục đích vụ lợi, tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo là hết sức táo bạo, có tính chất chuyên nghiệp và rất nguy hiểm cho xã hội; động cơ phạm tội vì muốn có tiền để tiêu xài cá nhân, mua ma túy sử dụng ; bản thân bị cáo đã từng bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng vẫn không sửa đổi. Ngoài ra, trên địa bàn huyện An Phú thời gian gần đây liên tục xảy ra mất trộm tài sản, gây hoang mang, dao động trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt:

[5.1] Về nhân thân: Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, ngày 24/8/2015 bị cáo đã bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh An Giang với thời hạn 24 tháng.

[5.2] Về tình tiết tăng nặng: Trong thời gian ngắn bị cáo đã 06 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của công dân, giá trị tài sản các lần chiếm đoạt đều trên 2.000.000 đồng. Do đó bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5.3] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự khai ra các lần thực hiện hành vi phạm tội. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, ít am hiểu pháp luật, cha mẹ ly hôn sớm, bị cáo sống với bà ngoại, thiếu sự quan tâm, giáo dục của gia đình, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ phần nào về hình phạt cho bị cáo.

Với tính chất và mức độ của hành vi; nhân thân bị cáo; tình tiết tăng nặng và các tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị

về mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật nên được chấp nhận. Cần thiết áp dụng hình phạt tù, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thêm một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội về sau.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình, thì người phạm tội có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Xét thấy bị cáo không nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát là không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp:

Ngày 18/4/2019, bị hại Lê Hoàng P đã nhận lại tài sản là xe mô tô biển kiểm soát 67G1-311.32, nhãn hiệu Hoda loại Wave Alpha, màu sơn đỏ-đen-bạc và không có yêu cầu gì khác, nên không xem xét giải quyết.

Các xe của ông Phạm Văn O, biển kiểm soát 67N4-5519; xe của ông Nguyễn Tấn T, biển kiểm soát 67K4-3430; xe của ông Thái Văn L, biển kiểm soát 67K5-2935; xe của bà Nguyễn Thị N, biển kiểm soát 1I-2344; xe của ông Phạm Văn G, biển kiểm soát 67C1-3121 không thu hồi được, do đó buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường lại giá trị các xe cho các bị hại theo định giá. Riêng xe của ông G biển kiểm soát 67C1 – 3121 theo định giá là 7.000.000 đồng, nhưng bị cáo xác định bán được 8.000.000 đồng và bị cáo cũng đồng ý bồi thường 8.000.000 đồng, nên buộc bị cáo bồi thường giá trị xe cho ông G là 8.000.000 đồng.

Ngoài ra, bị cáo có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị D (chủ Dịch vụ cầm đồ “Kim Phụng”) tiền cầm xe biển số 67G1-311.32 là 12.000.000 đồng; trả lại cho anh Phạm Văn G số tiền mà anh G đã bỏ ra chuộc lại tài sản tại dịch vụ cầm đồ “Ngân Ngọc” là 1.000.000 đồng.

[8] Về trách nhiệm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Đối với Nguyễn Thiện M1 (Minh Đảo) là người mà theo lời khai của bị cáo đã kêu bị cáo lấy trộm tài sản và đã nhận bán 04 xe do bị cáo lấy trộm. Do M1 bỏ đi khỏi địa phương nên chưa làm việc được. Kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ hành vi của Minh để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với bà Huỳnh Thị D (Chủ Dịch vụ cầm đồ “Kim Phụng”) nhận cầm tài sản không chính chủ mà không có ủy quyền của chủ sở hữu tài sản là vi phạm các điều 195, 309 Bộ luật dân sự; vi phạm điểm e khoản 2 Điều 11 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ (Quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực an ninh, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình). Kiến nghị Công an thành phố Châu Đốc cần làm rõ, xử lý theo quy định.

[9] Về chi phí tố tụng:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án không phát sinh các chi phí khác, nên bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 173, điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ các điều 135, 136, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; các điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 21; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1/. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn P H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

2/. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn P H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 27/3/2019 (ngày hai mươi bảy tháng ba năm hai nghìn không trăm mười chín).

3/. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Văn O 4.000.000 (bốn triệu) đồng;

- Bồi thường cho ông Nguyễn Tấn T 3.000.000 (ba triệu) đồng;

- Bồi thường cho ông Thái Văn L 3.000.000 (ba triệu) đồng;

- Bồi thường cho bà Nguyễn Thị N 12.000.000 (mười hai triệu) đồng;

- Bồi thường cho ông Phạm Văn G 9.000.000 (chín triệu) đồng.

- Bồi thường cho bà Huỳnh Thị D 12.000.000 (mười hai triệu) đồng.

4/. Về án phí: Bị cáo Nguyễn P H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.150.000 (hai triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng án phí mà bị cáo phải chịu là 2.350.000 (hai triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng.

5/. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai có mặt bị cáo, bị cáo Nguyễn P Hậu có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/10/2019).

Những bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt khi tuyên án có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện An Phú (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh An G (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS huyện An Phú (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- Công An TP Châu Đốc (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (6);
- Những người có liên quan (5);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Sáu